

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STUDY ON THE FACTORS AFFECTING THE PARTICIPATING INTENTION OF VOLUNTARY SOCIAL INSURANCE OF EMPLOYEES IN THACH THAT, HANOI

Nguyễn Thị Nguyệt Dung^{1,*}, Nguyễn Thị Sinh²

TÓM TẮT

Nghiên cứu này có mục tiêu cơ bản là xác định các yếu tố ảnh hưởng và đo lường mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố tới ý định tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội. Để thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng kết hợp mô hình về ý định hành vi TPB và TAM, đồng thời phỏng vấn sâu đối với 9 khách hàng để xây dựng mô hình nghiên cứu; thực hiện khảo sát 243 người lao động thuộc khu vực chưa chính thức trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả chỉ ra rằng, trong 6 yếu tố được đề xuất, có đủ cơ sở để kết luận 4 yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia BHXH tự nguyện của người lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội, trong đó, yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất là "Hiểu biết về bảo hiểm xã hội tự nguyện", tiếp đến là các yếu tố "Truyền thông", "Nhận thức về sự hữu ích của bảo hiểm xã hội tự nguyện" và "Thu nhập". Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm thu hút người lao động phi chính thức trên địa bàn tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Từ khóa: Ý định tham gia; bảo hiểm xã hội tự nguyện.

ABSTRACT

The primary purpose of this paper is to determine the influencing factors and measure the impact of each factor on labour's participating intention of social insurance in Thach That district, Hanoi. To conduct the research, the authors use both the Theory of Planned Behaviour and the Technology Acceptance Model, conduct an in-depth interview on 9 customers to build the research model, and survey 243 temporary employees in the study area. The research finds that there are sufficient grounds to conclude 4 out of six proposed factors affecting the labour's participating intention of voluntary social insurance in Thach That district, Hanoi. The most influential factor is "Understanding of voluntary social insurance", followed by "Media", "Awareness of the benefits of voluntary social insurance" and "Income". Based on the results, the authors propose some recommendations to encourage temporary employees in the area to participate in voluntary social insurance.

Keywords: Participating intention; voluntary social insurance.

¹Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

²Bảo hiểm xã hội huyện Thạch Thất

*Email: nguyetdunghau@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/01/2019

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 06/5/2019

Ngày chấp nhận đăng: 15/8/2019

1. GIỚI THIỆU

Bảo hiểm xã hội (BHXH) tự nguyện là một loại hình BHXH do Nhà nước tổ chức mà người lao động tự nguyện tham gia, được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình nhằm góp phần ổn định cuộc sống cho người lao động thuộc khu vực phi chính thức và gia đình của họ khi bị giảm hoặc mất thu nhập do gặp phải những rủi ro hoặc sự kiện bảo hiểm. Đồng thời, góp phần đảm bảo công bằng, tiến bộ, văn minh và an sinh xã hội.

Huyện Thạch Thất là huyện có nhiều cụm công nghiệp và nhiều hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, do đó Thạch Thất là huyện có số lượng lao động phi chính thức nhiều nhất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Nhận thức được đặc điểm về lao động trên địa bàn huyện cũng như lợi ích của BHXH tự nguyện, trong thời gian vừa qua, BHXH huyện Thạch Thất đã tạo điều kiện tích cực để người lao động khu vực phi chính thức có thể tham gia BHXH tự nguyện. Song bên cạnh những kết quả đạt được, thì việc triển khai BHXH tự nguyện tại Thạch Thất vẫn tồn tại một số hạn chế, trong đó hạn chế lớn nhất là tỷ lệ đối tượng tham gia còn thấp, theo Báo cáo của BHXH huyện Thạch Thất, tính đến thời điểm 31/12/2017 trên địa bàn huyện có 19.510 người trong độ tuổi lao động và có khả năng lao động, số lượng lao động tham gia BHXH 14.723 người (75,46%) nhưng chỉ có 930 người đăng ký tham gia BHXH tự nguyện (chiếm 6,32% lao động tham gia BHXH). Do vậy, việc xác định nguyên nhân của thực trạng số lượng lao động tham gia BHXH tự nguyện còn thấp, đồng thời đề ra những giải pháp nhằm thu hút người lao động tham gia là cần thiết và có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hệ thống an sinh xã hội của địa bàn huyện nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đó, nhóm tác giả đã lựa chọn chủ đề "nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội" với mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng và đo lường mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố tới ý định tham gia BHXH tự nguyện của người lao động phi chính thức trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó, đề xuất

một số khuyến nghị giúp BHXH Thạch Thất thu hút người lao động phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện.

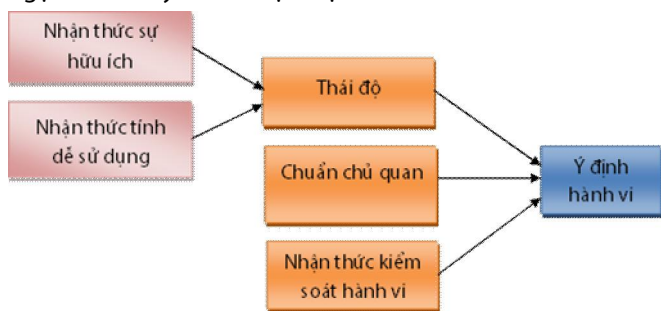
2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Cho đến nay đã có khá nhiều công trình nghiên cứu ý định hành vi của các cá nhân, các lý thuyết này đã được chứng minh thực nghiệm ở nhiều nơi trên thế giới, chẳng hạn như:

Thuyết hành vi dự định (TPB), Ajzen (1991), giúp dự đoán và giải thích hành vi của các cá nhân khi thực hiện một công việc bất kỳ trong cùng một nội dung và hoàn cảnh nghiên cứu. Theo TPB, ý định hành vi của một cá nhân phụ thuộc vào: (i) tập hợp các niềm tin có gắn trọng số về một hành vi cụ thể (thái độ); (ii) mức độ ảnh hưởng của những người xung quanh lên dự định hành vi của một cá nhân (chuẩn chủ quan); (iii) mức độ mà cá nhân đó nhận thức về khả năng thực hiện hành vi đó (nhận thức kiểm soát hành vi).

Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM), Fred David (1989), cho rằng dự định hành vi của một cá nhân được xác định bởi hai niềm tin: (i) Nhận thức sự hữu ích, là cấp độ mà một cá nhân tin rằng hành vi đó sẽ các tác dụng nâng cao kết quả thực hiện của họ; (ii) Nhận thức tính dễ dàng sử dụng, là cấp độ mà một cá nhân tin rằng hành vi đó được thực hiện mà không cần nỗ lực.

Mô hình kết hợp TPB và TAM, được đề xuất bởi Taylor và Todd (1995), Bhattacharjee (2001), hình 1. Theo mô hình này, một ý định hành vi chịu tác động bởi 3 yếu tố: (i) thái độ của cá nhân đối với một hành vi, hay mức độ mà cá nhân đó đánh giá là thuận lợi/không thuận lợi, hữu ích/không hữu ích đối với hành vi đó, do vậy, trong mô hình này thái độ của cá nhân được giải thích bởi nhận thức của cá nhân đó về sự hữu ích và nhận thức sự dễ dàng khi thực hiện hành vi; (ii) chuẩn chủ quan hay áp lực của xã hội lên hành vi của cá nhân đó, yếu tố này bao hàm cả các vấn đề về văn hóa cũng như thái độ của những người liên quan, đặc biệt là người thân của cá nhân đó, theo Taylor và Todd (1995), Bhattacharjee (2001) thì kỳ vọng của người thân càng lớn thì lực hấp dẫn đối với hành vi đó càng nhiều; (iii) khả năng kiểm soát của cá nhân đó khi thực hiện hành vi, là kinh nghiệm hay quan niệm về những khó khăn, trở ngại có thể xảy ra khi thực hiện hành vi.



Hình 1. Mô hình kết hợp giữa mô hình TPB và TAM

Trong một số các công trình nghiên cứu thực nghiệm, yếu tố “Thái độ” đã được lược bỏ ra khỏi mô hình nguyên thủy. Bởi yếu tố “Thái độ” chưa thể được coi là trung gian

một cách hoàn chỉnh để đánh giá sự tác động của yếu tố “Nhận thức sự hữu ích” và yếu tố “Nhận thức tính dễ sử dụng” đến yếu tố “Ý định hành vi”, Venkatesh (1999, trích trong Jyoti, D.M., 2009, trang 393).

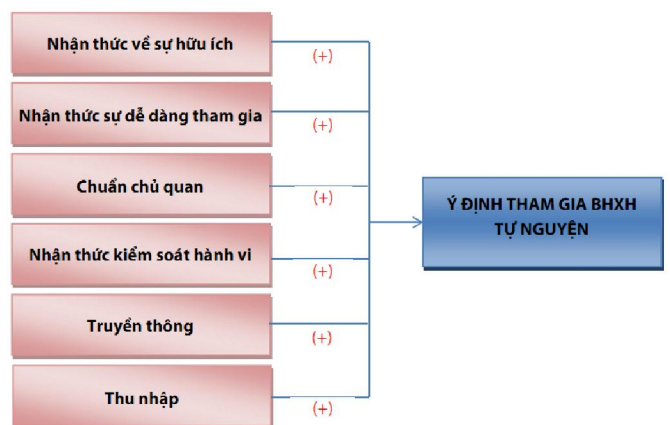
Bên cạnh đó, trong nghiên cứu của Bagozzi và Warshaw (1989, trích trong Chuttur, M.Y., 2009, trang 10) đã chỉ ra rằng yếu tố “Nhận thức sự hữu ích” và yếu tố “Nhận thức tính dễ sử dụng” có ảnh hưởng trực tiếp đến ý định hành vi.

Trên cơ sở các mô hình lý thuyết trên, nhiều nhà khoa học đã ứng dụng vào nghiên cứu thực nghiệm ở nhiều nước như: Heath, Y và Gifford, R. (2002) thực hiện nghiên cứu tại Anh; Borith, L., Kasem, C. và Takahi, N. (2010) thực hiện nghiên cứu tại Campuchia; Chen, C.F. và Chao, W.H. (2010) thực hiện nghiên cứu tại Đài Loan...

Yếu tố “Nhận thức tính dễ sử dụng” đã được nhóm tác giả đổi tên thành “Nhận thức sự dễ dàng tham gia” để phù hợp với đặc điểm của BHXH tự nguyện mà không làm thay đổi bản chất của yếu tố.

Ngoài ra, yếu tố “Thu nhập” và yếu tố “Truyền thông” được nhóm tác giả bổ sung vào mô hình gốc trên cơ sở nghiên cứu tổng quan các công trình trong và ngoài nước, chẳng hạn, tác giả Castel P. (2005) đã thực hiện một nghiên cứu ở Việt Nam và đã chỉ ra rằng yếu tố “Thu nhập” ảnh hưởng rất mạnh tới ý định tham gia BHXH của người lao động khu vực phi chính thức. Trong nghiên cứu của nhóm tác giả Lê Cảnh Bích Thơ, Võ Văn Tuấn và Trương Thị Thanh Tâm (2017), yếu tố “Truyền thông” là yếu tố tác động mạnh thứ 3 trong tổng số 14 yếu tố được đề xuất tác động tới quyết định mua BHXH tự nguyện của người dân thành phố Cần Thơ.

Như vậy, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như hình 2.



Hình 2. Mô hình nghiên cứu

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp định tính

Thảo luận chuyên sâu: Trên cơ sở tài liệu tổng hợp được, nhóm tác giả đã thực hiện nhiều cuộc thảo luận chuyên sâu với mục đích làm sáng tỏ hơn bản chất và ý nghĩa của việc

nghiên cứu, từ đó lựa chọn cơ sở lý thuyết về ý định hành vi, đồng thời xây dựng mô hình nghiên cứu phù hợp với bối cảnh nghiên cứu.

Phỏng vấn: Với những kết quả đạt được từ nghiên cứu lý thuyết và thảo luận chuyên sâu, nhóm tác giả đã xây dựng mô hình nghiên cứu và bảng hỏi dự kiến để tiến hành phỏng vấn. Đối tượng phỏng vấn là 09 khách hàng đang tham gia BHXH tự nguyện trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.

Nhìn chung, tất cả các đối tượng phỏng vấn đều cho rằng các thang đo được đề xuất trong mô hình nghiên cứu là khá phù hợp và những sửa chữa đối với bảng hỏi điều tra tạm thời là không đáng kể.

Với 6 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc, nhóm tác giả đã tổng hợp thành 25 biến quan sát, cụ thể trong bảng 1.

Bảng 1. Tổng hợp các biến quan sát trong mô hình

STT	Tên biến	Số biến quan sát	Loại biến
1	Nhận thức tính sự hữu ích của BHXH tự nguyện	4	Biến độc lập
2	Chuẩn chủ quan	4	Biến độc lập
3	Nhận thức sự dễ dàng tham gia	4	Biến độc lập
4	Thu nhập	3	Biến độc lập
5	Truyền thông	4	Biến độc lập
6	Nhận thức kiểm soát hành vi	3	Biến độc lập
7	Ý định tham gia BHXH tự nguyện	3	Biến phụ thuộc

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Phương pháp định lượng

Sau khi xây dựng được mô hình nghiên cứu và các biến quan sát. Nghiên cứu định lượng được thực hiện như sau:

Bước 1: Khảo sát thử

Nhóm tác giả tiến hành một cuộc điều tra mẫu thử nhằm kiểm tra lần cuối các vấn đề về nội dung câu hỏi, hình thức trả lời, cách dùng thuật ngữ và trình tự các câu hỏi trong bảng hỏi. Đối tượng được khảo sát là 20 khách hàng đang tham gia BHXH tự nguyện trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội. Sau khi nhận được đầy đủ phiếu trả lời của 20 khách hàng, nhóm tác giả kiểm tra lại tính phù hợp của bảng hỏi.

Bước 2: Điều chỉnh phiếu khảo sát và khảo sát chính thức.

Quá trình thu thập thông tin được tiến hành trong tháng 02 ÷ 06/2018, nhóm tác giả thực hiện gửi phiếu điều tra đến 300 khách hàng thuộc khu vực phi chính thức trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội. Tuy nhiên, số phiếu thu về hợp lệ là 243 phiếu.

Bảng 2. Thống kê mẫu nghiên cứu

Mẫu	Tần suất (người)	Tỷ lệ (%)
I. Thống kê mẫu theo giới tính		
Nam	159	65,4
Nữ	84	34,6
Tổng	243	100

II. Thống kê mẫu theo độ tuổi		
Dưới 30 tuổi	52	21,4
Từ 30 đến 40 tuổi	142	58,4
Trên 40 tuổi	49	20,2
Tổng	243	100
III. Thống kê mẫu theo trình độ học vấn		
Dưới đại học	169	69,5
Đại học	66	27,2
Sau đại học	8	3,3
Tổng	243	100

Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát

Thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu, bao gồm: (i) Thống kê dữ liệu thu thập; (ii) tiến hành phân tích và xử lý dữ liệu thông qua phần mềm SPSS 20.0.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo trong bảng 3 cho thấy độ tin cậy của tất cả thang đo đều có hệ số tương quan biến tổng > 0,6 đạt yêu cầu. Các biến này sẽ được sử dụng để tiến hành các kiểm định tiếp theo.

Bảng 3. Tổng kết các thang đo sau khi phân tích Cronbach's Alpha

STT	Tên thành phần	Mã hóa	Số lượng biến	Cronbach's Alpha	Đánh giá
1	Nhận thức về sự hữu ích	NTHI	4	0,985	Đạt yêu cầu
2	Nhận thức sự dễ dàng tham gia	NHDD	4	0,932	Đạt yêu cầu
3	Chuẩn chủ quan	CCQ	4	0,905	Đạt yêu cầu
4	Nhận thức kiểm soát hành vi	KSHV	3	0,896	Đạt yêu cầu
5	Truyền thông	TT	4	0,831	Đạt yêu cầu
6	Thu nhập	TN	3	0,850	Đạt yêu cầu
7	Ý định tham gia BHXH tự nguyện	YD	3	0,929	Đạt yêu cầu

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

4.2. Kiểm định giá trị của thang đo

Phân tích EFA cho biến độc lập

Để tiến hành phân tích nhân tố khám phá thì dữ liệu thu được phải đáp ứng được các điều kiện qua kiểm định KMO và Bartlett's. Kết quả kiểm định cho thấy trị số của KMO đạt 0,616 > 0,5 và Sig của Bartlett's Test là 0,000 < 0,05, các biến quan sát hoàn toàn phù hợp với phân tích nhân tố.

Đồng thời, nhóm tác giả thực hiện phép xoay ma trận, kết quả được thể hiện trong bảng 4.

Bảng 4. Ma trận nhân tố xoay

	Nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
NTHI ₁	0,936					
NTHI ₂	0,920					

NTHI ₃	0,919				
NTHI ₄	0,918				
NHDD ₃		0,853			
NHDD ₁		0,807			
NHDD ₂		0,793			
NHDD ₄		0,775			
CCQ ₃			0,826		
CCQ ₂			0,825		
CCQ ₄			0,823		
CCQ ₁			0,772		
TT ₂				0,841	
TT ₁				0,790	
TT ₄				0,776	
TT ₃				0,767	
KSHV ₁					0,925
KSHV ₃					0,914
KSHV ₂					0,862
TN ₃					0,877
TN ₁					0,817
TN ₂					0,782

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho kết quả 6 nhân tố có ảnh hưởng đến nhân tố Ý định tham gia BHXH tự nguyện của người lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội. 6 nhóm nhân tố được rút trích giải thích được 81,964% sự biến động của dữ liệu nghiên cứu.

Phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến phụ thuộc

Kết quả kiểm định cho ra trị số của KMO đạt 0,752 > 0,5, giá trị Sig của Bartlett's Test là 0,000 < 0,05 cho thấy 3 biến quan sát YD₁, YD₂, YD₃ có tương quan với nhau và hoàn toàn phù hợp với phân tích nhân tố.

Kết quả phân tích EFA cho biến phụ thuộc YD được thể hiện qua bảng 5.

Bảng 5. Kết quả phân tích EFA biến độc lập

Biến đo lường	Yếu tố
	1
YD2	0,954
YD1	0,933
YD3	0,927

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Kết quả xoay nhân tố cho thấy có 1 nhân tố hình thành với điểm dừng trích ở nhân tố thứ nhất có Eigenvalue = 2,64 > 1, do đó việc trích nhân tố là có giá trị. Phương sai trích được từ 3 biến quan sát là 88% kết quả này là phù hợp và cho thấy 1 nhân tố được hình thành và giải thích được 88% sự biến thiên của tập dữ liệu.

Kết quả từ bảng phân tích EFA biến phụ thuộc cho thấy, nhân tố Ý định tham gia BHXH tự nguyện của người lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội được hình

thành và tất cả các biến quan sát đều cho thấy hệ số tải cao. Như vậy, phân tích 3 biến quan sát đánh giá Ý định tham gia đạt yêu cầu và được dùng cho các nghiên cứu tiếp theo.

4.3. Kiểm định tầm quan trọng của các yếu tố

Sau khi phân tích các nhân tố và kiểm định thang đo đã rút ra được 6 nhân tố độc lập và 1 nhân tố phụ thuộc. Nhóm tác giả sử dụng Hệ số tương quan Pearson (r) để lượng hóa mức độ chặt chẽ của mối liên hệ tuyến tính giữa hai biến định lượng. Kết quả phân tích cho thấy, các biến độc lập đều có tương quan với biến phụ thuộc Ý định tham gia BHXH tự nguyện (YD). Biến phụ thuộc Ý định tham gia BHXH tự nguyện việc có tương quan mạnh nhất với biến độc lập NHDD - Nhận thức sự dễ dàng tham gia (hệ số Pearson = 0,612), tiếp đến là biến NTHI - Nhận thức về sự hữu ích (hệ số Pearson = 0,530), tiếp đến là biến CCQ - Chuẩn chủ quan (hệ số Pearson = 0,501); tiếp đến là biến TT - Truyền thông (hệ số Pearson = 0,486) và tương quan yếu nhất với biến KSHV - Nhận thức kiểm soát hành vi (hệ số Pearson = 0,107).

Sau kết quả phân tích tương quan ở trên, nhóm tác giả tiến hành phân tích hồi quy để xác định cụ thể trọng số của từng yếu tố đến Ý định tham gia BHXH tự nguyện.

Bảng 6. Phân tích ANOVA trong hồi quy

Mô hình	Tổng bình phương	Df	Trung bình bình phương	F	Sig.	
1	Hồi quy	52,241	6	13,060	67,034	0,000 ^d
	Phần dư	46,369	238	0,195		
	Tổng	98,610	242			

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Bảng 6 cho thấy, F của mô hình bằng 67,034 với mức ý nghĩa quan sát rất nhỏ (sig = 0,000) nên có thể khẳng định tồn tại mô hình hay tồn tại mối quan hệ giữa biến phụ thuộc Ý định tham gia BHXH tự nguyện (YD) với các biến độc lập khác trên tổng thể. Như vậy, phân tích hồi quy tuyến tính bội là phù hợp và có thể sử dụng để kiểm định mô hình đề xuất.

Bảng 7. Các chỉ số kiểm định trong hồi quy

Model	R	R ²	R ² điều chỉnh	Độ lệch chuẩn	Thống kê thay đổi				Durbin-Watson	
					R ² thay đổi	F thay đổi	df1	df2		Sig. F thay đổi
1	0,728	0,530	0,522	0,44139	0,010	5,267	1	238	0,023	1,987

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Qua kết quả phân tích ở bảng 7 cho ta thấy R² điều chỉnh = 0,530, nghĩa là phương trình hồi quy được xây dựng phù hợp với tập dữ liệu là 53%. Hay nói cách khác, 53% sự biến thiên của nhân tố Ý định tham gia BHXH tự nguyện được giải thích bởi sự biến thiên của các biến độc lập trong mô hình.

Đại lượng thống kê Durbin - Watson (d) = 1,98 > 1 nên mô hình không có hiện tượng tự tương quan.

Hệ số phóng đại phương sai VIF đều nhỏ hơn 5 cho thấy các biến độc lập này không có quan hệ chặt chẽ với nhau nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Do đó, mối quan hệ giữa các biến độc lập không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả giải thích của mô hình này. Trong các thành phần đo lường Ý định tham gia BHXH tự nguyện nêu trên, các thành phần ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê (với mức ý nghĩa sig < 0,05).

Kết quả kiểm định Levene và phân tích ANOVA cho thấy, giới tính, độ tuổi của đối tượng được khảo sát khác nhau có mức độ ảnh hưởng khác nhau tới ý định tham gia BHXH tự nguyện và không có sự khác biệt giữa các nhóm trình độ chuyên môn tới ý định tham gia BHXH tự nguyện.

Bảng 8. Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	t	Sig.	Đa cộng tuyến	
	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	Hệ số hồi quy (Beta)			Độ chấp nhận	Hệ số phóng đại phương sai
1 (Hằng số)	-0,582	0,293		-1,986	0,048		
NHDD	0,407	0,067	0,352	6,117	0,000	0,597	1,675
TT	0,351	0,059	0,286	5,984	0,000	0,868	1,152
NTHI	0,209	0,047	0,232	4,409	0,000	0,714	1,400
TN	0,141	0,061	0,119	2,295	0,023	0,729	1,372
CCQ	0,143	0,076	0,109	1,880	0,061	0,579	1,727
KSHV	-0,054	0,065	-0,038	-0,834	0,405	0,948	1,055

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Kết quả hồi quy tại bảng 8 cho thấy các biến “Nhận thức sự dễ dàng tham gia”, “Truyền thông”, “Nhận thức về sự hữu ích”, “Thu nhập” có giá trị Sig. < 0,05, riêng các biến “Kiểm soát hành vi” và “Chuẩn chủ quan” có giá trị Sig. > 0,05.

Như vậy, ý định tham gia BHXH tự nguyện chịu tác động của 4 yếu tố là thông qua phương trình hồi quy như sau:

$$YD = 0,352 NTDD + 0,286 TT + 0,232 NTHI + 0,119 TN$$

Kết quả nghiên cứu sự ảnh hưởng của yếu tố “Nhận thức sự dễ dàng tham gia”, “Truyền thông”, “Nhận thức về sự hữu ích”, “Thu nhập” khá tương đồng với các nghiên cứu trước đây, như nghiên cứu của Castel P. (2005), Heath, Y. và Gifford, R. (2002) Borith, L., Kasem, C. và Takahi, N. (2010) Chen, C.F. và Chao, W.H. (2010) Lê Cảnh Bích Thơ, Võ Văn Tuấn và Trương Thị Thanh Tâm (2017)... Với kết quả nghiên cứu trên đây, có thể thấy rằng, trong thời gian qua, người lao động phi chính thức trên địa bàn huyện Thạch Thất chưa tham gia BHXH tự nguyện nhiều là do:

(i) Người lao động khu vực phi chính thức chưa cảm thấy việc tham gia BHXH là thực sự dễ dàng và thuận tiện, mặc dù mạng lưới thu BHXH tự nguyện trên địa bàn huyện Thạch Thất là khá nhiều và phủ khắp các xã (25 đại lý, trong đó có 23 đại lý xã, 01 đại lý trung tâm y tế và 01 đại lý Bưu điện). Tuy nhiên họ cho rằng, thủ tục đăng ký tham gia BHXH còn khá phức tạp, các hình thức đóng bảo hiểm chưa

thuận lợi, mới chỉ đóng thông qua đại lý bằng tiền mặt, hồ sơ tham gia và kết quả bảo hiểm được thu trả trực tiếp mà chưa ứng dụng công nghệ thông tin.

(ii) Người lao động khu vực phi chính thức ít có thời gian và điều kiện để tiếp cận với cá quy định về BHXH tự nguyện, trong khi công tác tuyên truyền về BHXH tự nguyện còn chưa được quan tâm tương xứng với lực lượng lao động khu vực phi chính thức, việc tuyên truyền mới chỉ dừng lại ở hình thức đơn giản và mang tính gián tiếp như tuyên truyền qua đài truyền thanh, phát tờ rơi, tờ gấp và báo chí.

(iii) Người lao động phi chính thức chưa thấy hết được tính hữu ích của loại hình BHXH này, họ chưa thực sự cảm thấy yên tâm khi tham gia BHXH tự nguyện. Khi được hỏi, họ cho rằng, BHXH tự nguyện mới chỉ thực hiện đối với hưu trí và tử tuất, chưa được đầy đủ các chế độ về ốm đau, thai sản, bảo hiểm y tế như BHXH bắt buộc.

(iv) Thu nhập của đa số người lao động khu vực phi chính thức còn thấp, không ổn định, và không được hạch toán rõ ràng, trong khi BHXH tự nguyện lại yêu cầu đối tượng tham gia bảo hiểm phải có thu nhập tương đối ổn định và thời gian dài, ngoài ra, mức đóng bảo hiểm là tương đối cao (22%), nên đa số họ đều ngập ngừng khi tham gia loại hình bảo hiểm này.

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả khảo sát 243 khách hàng thuộc khu vực phi chính thức trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội cho thấy, với 6 yếu tố ảnh hưởng được đề xuất trong mô hình nghiên cứu, chưa đủ cơ sở để kết luận yếu tố “Kiểm soát hành vi” và “Chuẩn chủ quan” có ảnh hưởng tới “Ý định tham gia BHXH tự nguyện”. Các yếu tố còn lại ảnh hưởng thuận chiều đến “Ý định tham gia BHXH tự nguyện”, trong đó “Nhận thức sự dễ dàng tham gia” là yếu tố quan trọng nhất, tiếp đến là các yếu tố “Truyền thông”, “Nhận thức về sự hữu ích”, “Thu nhập”.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về đặc điểm của người lao động khu vực phi chính thức, chủ yếu nằm ở các hộ kinh doanh cá thể, thường ở khu vực nông thôn, thu nhập không ổn định và không được hạch toán rõ ràng, khả năng tiếp cận BHXH tự nguyện rất hạn chế, kết hợp với kết quả nghiên cứu trên đây, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm thu hút đối tượng khách hàng này trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tham gia BHXH tự nguyện, cụ thể như sau:

Thứ nhất, BHXH huyện Thạch Thất cần thiết kế thủ tục quy trình về việc tham gia BHXH tự nguyện theo hướng đơn giản, thuận tiện cho người lao động dễ dàng tham gia, đảm bảo sự phù hợp với điều kiện thực tế về lao động trên địa bàn huyện, hoàn thiện thủ tục hành chính “một cửa” trong quy trình thu, trả BHXH kết hợp triển khai có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng giải quyết các thủ tục hành chính theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Hiện nay, công nghệ thông tin đã được ứng dụng nhiều trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước cũng như cuộc sống của người dân,

thì việc BHXH huyện Thạch Thất tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu tiền bảo hiểm, trả kết quả bảo hiểm là hết sức cần thiết. Theo đó, BHXH huyện Thạch Thất cần cập nhật đầy đủ thông tin và xây dựng chuyên mục hỏi đáp trực tuyến về BHXH tự nguyện trên Website để người lao động có thể dễ dàng tra cứu thông tin; Việc ứng dụng công nghệ thông tin một mặt giúp người lao động và cơ quan thuế tiết kiệm được thời gian và chi phí vận hành, mặt khác, giúp những người lao động di cư có thể dễ dàng đóng tiền bảo hiểm cũng như thực hiện các thủ tục cần thiết khác.

Thứ hai, BHXH huyện Thạch Thất cần đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về BHXH tự nguyện. Để làm được điều này, trước hết, cơ quan BHXH cần giúp người lao động hiểu rõ những điều khoản quy định trong Luật BHXH tự nguyện như độ tuổi tham gia, mức phí thủ tục đăng ký... thông qua việc đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, bảo đảm tính đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện; phối hợp sự tham gia của nhiều tổ chức đoàn thể trong công tác tuyên truyền, tạo hiệu ứng lan tỏa trong cộng đồng; phối hợp chương trình bảo hiểm xã hội tự nguyện với các chương trình mục tiêu khác như chương trình việc làm, chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Các biện pháp này một mặt giúp người lao động nâng cao ý thức tham gia BHXH, một mặt giúp người lao động hiểu biết hơn BHXH tự nguyện, tạo thuận lợi hơn cho họ trong quá trình tham gia.

Thứ ba, để nâng cao nhận thức của người lao động sự hữu ích và tính an sinh xã hội của BHXH tự nguyện rằng, người lao động cần phải có một nguồn thu nhập ổn định và được chăm sóc y tế khi tuổi già, đồng thời giảm bớt gánh nặng cho gia đình và xã hội khi hết tuổi lao động, BHXH huyện Thạch Thất cần tập trung bồi dưỡng đội ngũ nhân viên cũng như cộng tác viên có đủ năng lực thực hiện công tác tư vấn về BHXH tự nguyện, tổ chức các buổi tập huấn cho các cộng tác viên ở cơ sở.

Thứ tư, BHXH huyện Thạch Thất cần phối hợp với các cơ quan cũng như tổ chức đoàn thể trong địa bàn huyện trong việc đề xuất giải pháp hỗ trợ người lao động phi chính thức ổn định và gia tăng thu nhập. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn lao động khu vực phi chính thức trên địa bàn huyện làm việc thuộc lĩnh vực nông nghiệp, hoặc tại các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, thu nhập bình quân dưới 5 triệu đồng/người/tháng, nên khả năng tham gia BHXH tự nguyện gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy, ổn định và gia tăng thu nhập cho người lao động khu vực phi chính thức là hết sức cần thiết./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ajzen, I., 1991. *The theory of planned behavior*. Organizational Behavior and Human Decision Processes 50, pp.179-221.
- [2] Bhattacharjee, A., 2001. *Understanding Information Systems Continuance: An Expectation-Confirmation Model*. MIS Quarterly, 25, 351-370.

- [3]. BHXH huyện Thạch Thất.
- [4]. Borith, L., Kasem, C. & Takahi, N., 2010. *Psychological Factors Influencing Behavioral Intention of Using Future Sky Train: A Preliminary Result in Pnom Penh*. Asian Transportation Research Society, pp. 123-129
- [5]. Castel P., 2005. *Voluntary Defined Benefit Pension System Willingness to Participate the Case of Vietnam*. file:///C:/Users/24h/Downloads/Documents/2381.pdf, đăng nhập ngày 6/3/2018.
- [6]. Chen, C.F. & Chao, W.H., 2010. *Habitual or Reasoned? Using the Theory of Planned Behavior, Technology Acceptance Model, and Habit to Examine Switching Intentions Toward Public Transit*. Transportation Research, Part F.
- [7]. Chuttur, Mohammad, 2009. *Overview of the Technology Acceptance Model: Origins, Developments and Future Directions*. All Sprouts Content 290. <https://aisel.aisnet.org/sprouts/all/290>, đăng nhập ngày 14/3/2018.
- [8]. Davis, Fred, 1989. *Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology*. MIS Quarterly, 13, pp.319-40.
- [9]. Fishbein, M. & Ajzen, I., 1975. *Attitude, Intention and Behavior: An introduction to theory and research*. Reading, MA: Addison-Wesley.
- [10]. Jyoti, D. M., 2009. *Towards an Understanding of the Factors Influencing the Acceptance and Diffusion of e-Government Services*. Electronic Journal of eGovernment, Vol. 7, Issue 4, pp. 391-402
- [11]. Heath, Y & Gifford, R., 2002. *Extending the Theory of Planned Behavior: Predicting the Use of Public Transportation 1*. Journal of Applied Social Psychology.
- [12]. Shirley Taylor and Peter Todd, 1995. *Assessing IT Usage: The Role of Prior Experience* Vol. 19, No. 4, pp. 561-570 Published by: Management Information Systems Research Center, University of Minnesota, <https://www.jstor.org/stable/249633>, đăng nhập ngày 11/3/2018
- [13]. Lê Cảnh Bích Thơ, Võ Văn Tuấn và Trương Thị Thanh Tâm, 2017. *Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua bảo hiểm y tế tự nguyện của người dân thành phố Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 48d: 20-25.

AUTHORS INFORMATION

Nguyen Thi Nguyet Dung¹, Nguyen Thi Sinh²

¹Faculty of Business Management, Hanoi University of Industry

²Thach That District Social Security Office